TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày: 27-5-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Đình Hoằng
2. Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 499/2024/TLST- DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tầng A và tầng E, tòa nhà C, số A P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, chức vụ: Cán bộ phòng xử lý nợ và bà Lê Thị P, chức vụ: Cán bộ phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: G H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo Giấy uỷ quyền số 12/2024/UQ-BVB-GLI ngày 26/11/2024). Ông Đ có mặt, bà P vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm: 1974; địa chỉ: E L, tổ C, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2024, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0184/2019/HĐTD2/BVB63 ngày 24/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 0184.01/2019/KUNN2/BVB63 ngày 25/7/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần B (viết tắt là Ngân hàng) cho bà Đỗ Thị Thanh T vay 400.000.000 đồng, mục đích vay: mua xe phục vụ tiêu dùng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 7,8%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân (25/7/2019), định kỳ điều chỉnh lãi suất 06 tháng/lần, lãi suất trong các tháng tiếp theo được điều chỉnh bằng lãi suất huy động 13 tháng trả lãi sau cộng biên độ 4,4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm; thời hạn vay là 60 tháng, ngày rút vốn 25/7/2019, ngày đến hạn 25/7/2024; trả gốc và lãi vào ngày 5 hàng tháng, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 05/9/2019, mỗi kỳ số tiền gốc phải trả là 6.667.000 đồng, riêng kỳ cuối số tiền gốc phải trả là 6.647.000 đồng.

Khi vay tiền để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Đỗ Thị Thanh T đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1338895.A.19.HĐTC.GL ngày 24/7/2019, gồm tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số khung 6666JY804906, số máy L15Z12334096, biển số xe 81A-188.00 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035876 do Phòng C Công an tỉnh G cấp ngày 22/7/2019 cho bà Đỗ Thị Thanh T.

Trong quá trình vay bà Đỗ Thị Thanh T đã trả cho Ngân hàng nợ gốc là 96.443.817 đồng, nợ lãi 103.158.243 đồng.

Do bà Đỗ Thị Thanh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0184/2019/HĐTD2/BVB63 ngày 24/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 0184.01/2019/KUNN2/BVB63 ngày 25/7/2019 đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Thanh T phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại tính đến ngày 27/5/2025 là 450.145.211 đồng, trong đó nợ gốc trong đó nợ gốc 303.556.183 đồng và nợ lãi 146.589.028 đồng, đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

Trong trường hợp bà Đỗ Thị Thanh T không trả nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1338895.A.19.HĐTC.GL ngày 24/7/2019, gồm tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số khung 6666JY804906, số máy L15Z12334096, biển số xe 81A-188.00 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035876 do Phòng C Công an tỉnh G cấp ngày 22/7/2019 cho bà Đỗ Thị Thanh T để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng B thì buộc bà Đỗ Thị Thanh T phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

2. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là bà Đỗ Thị Thanh T, nhưng bà Đỗ Thị Thanh T không đến Tòa án để tham

gia tố tụng. Do vậy, bà Đỗ Thị Thanh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, nghị án đều đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà Đỗ Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Thanh T.

[2] Theo Hợp đồng tín dụng số 0184/2019/HĐTD2/BVB63 ngày 24/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 0184.01/2019/KUNN2/BVB63 ngày 25/7/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần B (viết tắt là Ngân hàng) cho bà Đỗ Thị Thanh T vay 400.000.000 đồng, mục đích vay: mua xe phục vụ tiêu dùng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 7,8%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân (25/7/2019), định kỳ điều chỉnh lãi suất 06 tháng/lần, lãi suất trong các tháng tiếp theo được điều chỉnh bằng lãi suất huy động 13 tháng trả lãi sau cộng biên độ 4,4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm; thời hạn vay là 60 tháng, ngày rút vốn 25/7/2019, ngày đến hạn 25/7/2024; trả gốc và lãi vào ngày 5 hàng tháng, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 05/9/2019, mỗi kỳ số tiền gốc phải trả là 6.667.000 đồng, riêng kỳ cuối số tiền gốc phải trả là 6.647.000 đồng.

[3] Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà Đỗ Thị Thanh T đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1338895.A.19.HĐTC.GL ngày 24/7/2019, gồm tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số khung 6666JY804906, số máy L15Z12334096, biển số xe 81A-188.00 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035876 do Phòng C Công an tỉnh G cấp ngày 22/7/2019 cho bà Đỗ Thị Thanh T.

[4] Do bà Đỗ Thị Thanh T đã vi phạm thỏa thuận, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Thanh T phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại tính đến ngày 27/5/2025 là 450.145.211 đồng, trong đó nợ gốc 303.556.183 đồng và nợ lãi 146.589.028 đồng, đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay. Trong trường hợp bà Đỗ Thị Thanh T không trả nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp nêu trên theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1338895.A.19.HĐTC.GL ngày 24/7/2019 để thu hồi nợ.

[5] Xét Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Đỗ Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại tính đến ngày 27/5/2025 là 450.145.211 đồng, trong đó nợ gốc 303.556.183 đồng và nợ lãi 146.589.028 đồng, đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

[6] Đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô biển số xe 81A-188.00, nhãn hiệu nhãn hiệu HONDA, số khung 6666JY804906, số máy L15Z12334096, biển số xe 81A-188.00 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035876 do Phòng C Công an tỉnh G cấp ngày 22/7/2019 cho bà Đỗ Thị Thanh T thì Toà án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản này được, lý do bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc và không đưa xe đến để Hội đồng xem xét, thẩm định và nguyên đơn cũng không biết tài sản thế chấp đang ở đâu.

[7] Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng, mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô biển số xe 81A-188.00, nhãn hiệu HONDA, số khung 6666JY804906, số máy L15Z12334096 được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Do vậy, quá trình thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Thanh T không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà bà Đỗ Thị Thanh T đã thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc bà Đỗ Thị Thanh T phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

[8] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về lệ phí: Do nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên nguyên đơn phải chịu lệ phí là 2.047.500 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010; các Điều 317, 323 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc bà Đỗ Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày ngày 27/5/2025 là 450.145.211 đồng, trong đó nợ gốc 303.556.183 đồng và nợ lãi 146.589.028 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Đỗ Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0184/2019/HĐTD2/BVB63 ngày 24/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 0184.01/2019/KUNN2/BVB63 ngày 25/7/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà Đỗ Thị Thanh T không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1338895.A.19.HĐTC.GL ngày 24/7/2019 để thu hồi nợ, gồm: gồm 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số khung 6666JY804906, số máy L15Z12334096, biển số xe 81A-188.00 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035876 do Phòng C Công an tỉnh G cấp ngày 22/7/2019 cho bà Đỗ Thị Thanh T.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng B thì buộc bà Đỗ Thị Thanh T phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

2. Về án phí, lệ phí và quyền thi hành án:

Buộc bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu 22.005.808 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.374.276 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 000929 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.047.500 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã nộp đủ số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu